

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/DS-ST

Ngày: 22-9-2020

“V/v Tranh chấp hợp  
đồng dân sự - vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thanh Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Hải

Ông Bùi Văn Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Đỗ Thị Kim Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 464/2020/TLST-DS, ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2020/QĐXXST-DS ngày 11/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 168/2020/QĐST-DS ngày 28/8/2020, giữa:

**- Nguyên đơn:** Hồ Văn T, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số nhà 168, đường Phạm Hữu L, Khóm D, Phường G, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

**- Bị đơn:** Nguyễn Thanh A, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số nhà 120, ấp Tân T, xã Tịnh T1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(Ông T có mặt tại phiên tòa, ông A vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày:*  
Ông T cho ông Nguyễn Thanh A vay số tiền 14.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay từ ngày 14/8/2018 đến ngày 14/3/2020, có làm hợp

đồng cho cá nhân vay tiền ngày 14/8/2018. Khi hết hạn vay ông T nhiều lần yêu cầu ông A trả tiền vay và tiền lãi cho ông T, nhưng ông A không trả.

Nay ông T yêu cầu ông Nguyễn Thanh A trả cho ông Thống số tiền vay 14.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 14/8/2018 đến ngày 14/3/2020 là 19 tháng:  $14.000.000 \text{ đồng} \times 2\%/\text{tháng} \times 19 \text{ tháng} = 5.320.000 \text{ đồng}$ . Tổng cộng là: 19.320.000 đồng. Ông T không yêu cầu tính lãi từ khi có đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 14/8/2018 đến ngày 14/3/2020 là 19 tháng  $\times 1,66\%/\text{tháng} \times 14.000.000 \text{ đồng} = 4.415.600 \text{ đồng}$ .

*Bị đơn Nguyễn Thanh A:* Trong quá trình giải quyết vụ án không gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

*\* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng minh nhân dân Hồ Văn T (Bản sao chứng thực); Sổ hộ khẩu chủ hộ Hồ Văn T (bản sao chứng thực); Hợp đồng cho các nhân vay tiền ngày 14/8/2018 (bản chính); Đơn xác nhận ngày 04/5/2020 (bản chính);

*\* Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất:* Không có.

*\* Các tình tiết vụ án các bên đương sự không thống nhất:* Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền vay và lãi suất theo hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 14 tháng 8 năm 2018, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền, tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện, hợp đồng dân sự vay tài sản được xác lập vào ngày 14/8/2018 đến nay nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[4] Về tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thanh A đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định trong vụ này ngoài số tiền trên thì nguyên đơn không tranh chấp số tiền nào khác và trong vụ án này chỉ liên quan đến đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác.

[5] Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn Nguyễn Thanh A có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Hồ Văn T số tiền vốn vay còn nợ là 14.000.000đ và số tiền lãi 19 tháng  $\times 1,66\%/tháng \times 14.000.000đ = 4.415.600đ$  (lãi tính từ ngày 14/8/2018 đến ngày 14/3/2020), tổng cộng là 18.415.600đ. Nguyên đơn có cung cấp chứng cứ là hợp đồng vay tiền cá nhân thể hiện anh Hồ Văn T cho ông Nguyễn Thanh A vay số tiền là 14.000.000đ, ông A có ký vào hợp đồng vay tiền, từ khi vay tiền đến ngày 14/3/2020 là 19 tháng nhưng ông A không trả cho anh T bất cứ khoản tiền vốn, lãi nào. Do đó, nguyên đơn Hồ Văn T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh A trả số tiền vốn vay là 14.000.000đ là có căn cứ nên chấp nhận.

Đối với số tiền lãi suất, các bên có thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 14 tháng 8 năm 2018 là 2%/tháng là vượt quá mức lãi suất 20%/năm là chưa phù hợp theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng, vậy yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn là không vượt quá 20%/năm là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận. Số tiền lãi mà ông Nguyễn Thanh A phải trả cho anh Hồ Văn T là  $14.000.000đ \times 1,66\% \times 19 \text{ tháng} = 4.415.600đ$  (Bốn triệu bốn trăm mười lăm nghìn sáu trăm đồng).

Như vậy, ông Nguyễn Thanh A có nghĩa vụ trả cho anh Hồ Văn T số tiền vốn vay còn nợ là 14.000.000đ và số tiền lãi là 4.415.600đ, tổng cộng là 18.415.600đ (Mười tám triệu bốn trăm mười lăm nghìn sáu trăm đồng).

[6] Tại phiên tòa, đại diện của anh Hồ Văn T xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì anh T không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[7] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Văn T về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh A có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền

18.415.600đ (Mười tám triệu bốn trăm mười lăm nghìn sáu trăm đồng) nên ông Nguyễn Thanh A phải chịu 921.000đ (Chín trăm hai mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Hồ Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 483.000đ (Bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng) theo biên lai số 0004742 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 429, 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Văn T. Buộc ông Nguyễn Thanh A phải có nghĩa vụ trả cho anh Hồ Văn T số tiền 18.415.600đ (Mười tám triệu bốn trăm mười lăm nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh A phải chịu 921.000đ (Chín trăm hai mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Hồ Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 483.000đ (Bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng) theo biên lai số 0004742 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận

thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND TPCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Đặng Thị Thanh Thảo**